Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHƠN TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI - CHỦ ĐỀ 235

NĂM DỤC TRƯỞNG DƯỠNG

235

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP

1. *Lời giới thiệu*

- *Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.*
- *Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.*
- *Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận* ***đánh***

dấu, tô màu *những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.*

2. *Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?*

- *Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.*

- *Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.*

- *Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết*

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

– *Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*

– *Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*

– *Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học vàPháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*

– *Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

– *Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.*

– *Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.*

– *Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu*

không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sanh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với ***năm thủ uẩn.***

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 Không phải là chỗ hành xứ của Tỷ kheo - Kinh Con Chim Ưng – Tương V, 227

Con Chim Ưng – *Tương* V, 227 (Sakunagghi)

1-2)...

3) -- Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, một con chim ưng cái thình lình vồ xuống và chụp lấy một con chim cút.

4) Rồi này các Tỷ-kheo, con chim cút bị con chim ưng cái bắt, than khóc như sau:

"-- Như thế này, thật bất hạnh cho tôi! Thật thiếu công đức cho tôi! Vì rằng tôi đã đi không phải chỗ hành xứ của mình, đi vào cảnh giới của người khác. Nếu tôi đi trong chỗ hành xứ của tôi, trong cảnh giới của cha mẹ tôi, thời con chim ưng này không thể hơn tôi, nếu phải đánh nhau".

"-- Này Chim cút, thế nào là chỗ hành xứ của ngươi, thế nào là cảnh giới của cha mẹ ngươi?"

-- "Là vạt đất được lưỡi cày xới lên".

5) Rồi này các Tỷ-kheo, con chim ưng cái không có siết mạnh sức mạnh của mình, không có bóp chặt sức mạnh của mình, thả con chim cút rồi nói:

-- "Hãy đi, này Chim cút. Sau khi đi tại chỗ ấy, ta sẽ không thả cho ngươi".

6) Rồi này các Tỷ-kheo, con chim cút đi đến vạt đất được lưỡi cày xới lên, leo lên một hòn đất lớn, đứng trên ấy và nói với con chim ưng:

"-- Này, hãy đến ta, Chim ưng! Này, hãy đến ta, này Chim ưng!"

7) Rồi này các Tỷ-kheo, con chim ưng cái siết mạnh sức mạnh của mình, bóp chặt sức mạnh của mình, xếp cả hai cánh, thình lình vồ lấy con chim cút. Này các Tỷ-kheo, khi con chim cút biết được: "Con chim ưng này đang vồ mạnh xuống ta", liền nấp sau hòn đất ấy. Này các Tỷ-kheo, ở đây, con chim ưng bị bể ngực.

8) *Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với ai đi tới chỗ không phải hành xứ của mình, đi đến cảnh giới của người khác. Do vậy, này các Tỷ-kheo,* ***chớ có đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của người khác.*** *Này các Tỷ-kheo, đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, đi đến cảnh giới của người*

*khác, **thời Ác ma nắm được cơ hội, Ác ma nắm được đối tượng.***

9) Này các Tỷ-kheo, chỗ nào không phải hành xứ của Tỷ-kheo? Chỗ nào là cảnh giới của người khác? *Chính* là ***năm dục công đức***.

10) Thế nào là năm?

- Có các sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn.
- Có các tiếng do tai nhận thức...
- Có các hương do mũi nhận thức...
- Có các vị do lưỡi nhận thức...
- Có các xúc do thân nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, đây là chỗ không phải hành xứ của Tỷ-kheo, chỗ cảnh giới của người khác.

11) Này các Tỷ-kheo, ***hãy đi đến chỗ hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của cha mẹ mình.*** *Này các Tỷ-kheo, đi đến chỗ hành xứ của mình, đến cảnh giới của cha mẹ mình, **thời Ác ma không nắm được cơ hội,** không nắm được đối tượng.*

12) Và này các Tỷ-kheo, chỗ nào là chỗ hành xứ của Tỷ-kheo? Chỗ nào là cảnh giới của cha mẹ? *Chính* là ***bốn niệm xứ***.

Thế nào là bốn?

13) Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; trú, quán thọ trên các thọ...; trú, quán tâm trên tâm...; trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây là chỗ hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của cha mẹ mình.

2 Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG

– *Bài kinh số 33* – Trường *II, 567*

(Trích đoạn)

1. **Năm dục công đức**:

- Sắc do nhãn nhận thức, Sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn.

- Tiếng do tai nhận thức...

- Hương do mũi nhận thức...

- Vị do lưỡi nhận thức...

- Xúc do thân cảm xúc là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn.

3 Tu tập 8 chánh đạo để đoạn tận... - Kinh Uttiya hay Uttika – Tương V, 40

Uttiya hay Uttika – *Tương* V, 40

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi...

3) Rồi Tôn giả Uittiya đi đến Thế Tôn...

4) Ngồi một bên, Tôn giả Uttiya bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con độc cư Thiền tịnh, tư tưởng như sau được khởi lên: *"**Năm dục công đức** được Thế Tôn nói đến, và năm dục công đức được Thế Tôn nói đến là gì?"*

5 -- Lành thay, lành thay, này Uttiya! Năm dục công đức này được Ta nói đến, này Uttiya. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn, các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận nhận thức... các xúc do thân nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Năm dục công đức này, này Uttiya, được Ta nói đến.

6) Muốn đoạn tận năm dục công đức này, này Uttiya, cần phải tu tập **Thánh đạo Tám ngành**. Thế nào là Thánh đạo Tám ngành? Tức là chánh tri kiến... chánh

định. Muốn đoạn tận năm dục công đức này, này Uttiya, cần phải tu tập Thánh đạo Tám ngành này.

4 Kinh NHIỀU CẢM THỌ – 59 Trung II, 137

KINH NHIỀU CẢM THỌ

(Bahuvedaniya suttam)

– *Bài kinh số 59* – Trung *II, 137*

Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Savatthi (Xá vệ), Jetavana (Rừng Kỳ đà), tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi người thợ mộc Pancakanga (Ngũ Phần) đến Tôn giả Udayi (Ưu đà di), sau khi đến, đảnh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, người thợ mộc Pancakanga thưa Tôn giả Udayi:

– Thưa Tôn giả Udayi, Thế Tôn thuyết có bao nhiêu thọ?

– Này Gia chủ, Thế Tôn thuyết có ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này Gia chủ, ba thọ này được Thế Tôn nói đến.

– Thưa Tôn giả Udayi, Thế Tôn không thuyết ba thọ. Thế Tôn chỉ thuyết hai thọ: lạc thọ, khổ thọ. Thưa Tôn giả, bất khổ bất lạc thọ này, Thế Tôn thuyết là tối thắng lạc đối với vị đã chứng được tịch tịnh.

Lần thứ hai, Tôn giả Udayi nói với người thợ mộc Pancakanga:

– Này Gia chủ, Thế Tôn không thuyết hai thọ. Thế Tôn thuyết ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này Gia chủ, ba thọ này được Thế Tôn nói đến.

Lần thứ hai người thợ mộc Pancakanga thưa Tôn giả Udayi.

– Thưa Tôn giả Udayi, Thế Tôn không thuyết ba thọ, Thế Tôn chỉ thuyết hai thọ: lạc thọ, khổ thọ. Thưa Tôn giả, bất khổ bất lạc thọ này, Thế Tôn thuyết là tối thắng lạc đối với vị đã chứng được tịch tịnh.

Lần thứ ba, Tôn giả Udayi nói với người thợ mộc Pancakanga:

– Này Gia chủ, Thế Tôn không thuyết hai thọ. Thế Tôn thuyết ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất

lạc thọ. Này Gia chủ, ba thọ này được Thế Tôn nói đến.

Lần thứ ba, người thợ mộc Pancakanga thưa Tôn giả Udayi:

– Thưa Tôn giả Udayi, Thế Tôn không thuyết ba tho. Thế Tôn chỉ thuyết hai thọ: lạc thọ, khổ thọ. Thưa Tôn giả, bất khổ bất lạc thọ này, Thế Tôn thuyết là tối thắng lạc đối vị đã chứng được tịch tịnh.

Như vậy, Tôn giả Udayi không thể thuyết phục được thợ mộc Pancakanga. Và thợ mộc Pancakanga cũng không thể thuyết phục được Tôn giả Udayi.

Tôn giả Ananda nghe được cuộc đàm thoại này giữa Tôn giả Udayi với thợ mộc Panacakanga. Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda thuật lại Thế Tôn rõ toàn diện cuộc đàm thoại giữa Tôn giả Udayi và thợ mộc Pancakanga. Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

– Này Ananda, dầu cho pháp môn của Udayi là đúng, nhưng thợ mộc Pancakanga không chấp nhận. Dầu cho pháp môn của người thợ mộc Pancakanga là đúng, nhưng Udayi không chấp nhận.

☞ **Này Ananda,**

- Hai thọ được Ta nói đến tùy theo một pháp môn;
- Ba thọ được Ta nói đến tùy theo một pháp môn;
- Năm thọ được Ta nói đến tùy theo một pháp môn;
- Sáu thọ được Ta nói đến tùy theo một pháp môn;
- Mười tám thọ được Ta nói đến tùy theo một pháp môn;
- Ba mươi sáu thọ được Ta nói đến tùy theo một pháp môn;
- Một trăm lẻ tám thọ được Ta nói đến tùy theo một pháp môn.

➔ Như vậy, này Ananda, **pháp được Ta thuyết giảng tùy theo pháp môn**. Này Ananda, vì pháp được Ta thuyết giảng tùy theo pháp môn như vậy, nên đối với những ai không chấp nhận, không tán đồng, không tùy hỷ những điều được khéo nói, khéo thuyết, khéo trình bày cùng nhau, thời sự kiện này sẽ xẩy ra: họ sẽ sống đấu tranh, khẩu tranh, luận tranh, đả thương nhau với những binh khí miệng lưỡi.

➔ Như vậy, này Ananda, pháp được Ta thuyết giảng tùy theo pháp môn. Này Ananda, vì pháp được Ta thuyết giảng tùy theo pháp môn như vậy, nên đối với những ai chấp nhận, tán đồng, tùy hỷ những điều được khéo nói, khéo thuyết, khéo trình bày cùng nhau, thời sự kiện này sẽ xẩy ra: họ sẽ sống hòa hợp, tán đồng, tùy hỷ với nhau, như nước với sữa, và nhìn nhau với cặp mắt tương ái.

❖ **Này Ananda, có năm dục trưởng dưỡng này.**

Thế nào là năm?

– Các sắc pháp do nhãn căn nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ứng với dục, hấp dẫn,

– Các tiếng do tai nhận thức...

– Các hương do mũi nhận thức...

– Các vị do lưỡi nhận thức...

– Các xúc do thân cảm xúc, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ứng với dục, hấp dẫn. Này Ananda, như vậy là năm dục trưởng dưỡng.

✍ Này Ananda, duyên năm dục tưởng dưỡng này khởi lên lạc và hỷ, như vậy gọi là **dục lạc.**

Này Ananda, ai nói như sau: "Lạc và hỷ này là

tối thượng mà các chúng sanh có thể cảm thọ", Ta không thể chấp nhận như vậy. Vì sao vậy? Vì có một lạc khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn. *Và này Ananda, lạc ấy khác với lạc kia vi diệu hơn và thù thắng hơn là gì?* Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú **Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Này Ananda, lạc này khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.

Này Ananda, ai nói như sau: "Lạc và hỷ này là tối thượng mà chúng sanh có thể cảm thọ", Ta không thể chấp nhận như vậy. Vì sao vậy? Vì có một lạc thọ khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn. Và này Ananda, lạc ấy khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn là gì? Ở đây, này Ananda, vị Tỳ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tỉnh nhất tâm. Này Ananda, lạc này khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.

Này Ananda, ai nói như sau: "Lạc và hỷ này là tối thượng..",... vi diệu hơn và thù thắng hơn. Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú **Thiền thứ ba**. Này Ananda, lạc này khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù

thắng hơn.

Này Ananda, ai nói như sau: "Lạc và hỷ này là tối thượng..".,... vi diệu hơn và thù thắng hơn là gì? Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo, xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng và trú **Thiền thứ tư** không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này Ananda, lạc này khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.

Này Ananda, ai nói như sau: "Lạc và hỷ này là tối thượng..".,... vi diệu hơn và thù thắng hơn là gì? Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo vượt qua toàn diện sắc tưởng, diệt trừ hữu đối tưởng, không tư niệm sai biệt tưởng, nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú **Hư không vô biên xứ**. Này Ananda, lạc này khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.

Này Ananda, ai nói như sau: "Lạc và hỷ này là tối thượng..".,... vi diệu hơn và thù thắng hơn là gì? Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo vượt qua toàn diện Hư không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên," chứng và trú **Thức vô biên xứ**. Này Ananda, lạc này khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.

Này Ananda, ai nói như sau: "Lạc và hỷ này là tối thượng..".,... vi diệu hơn và thù thắng hơn là gì? Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo vượt qua toàn diện

Thức vô biên xứ, nghĩ rằng không có vật gì, chứng và trú **Vô sở hữu xứ**. Này Ananda, lạc này khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.

Này Ananda, ai nói như sau: "Lạc và hỷ này là tối thượng..".,... vi diệu hơn và thù thắng hơn là gì? Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo vượt qua toàn diện Vô sở hữu xứ, chứng và trú **Phi tưởng phi phi tưởng xứ**. Này Ananda, lạc này khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.

Này Ananda, ai nói như sau: "Lạc và hỷ này là tối thượng mà chúng sanh có thể cảm thọ", Ta không thể chấp nhận như vậy. Vì sao vậy? Vì có một lạc thọ khác với lạc thọ kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn. Và này Ananda, lạc ấy khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn là gì? Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo vượt qua toàn diện Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú **Diệt thọ tưởng định**. Này Ananda, lạc này khác với lạc kia, vi diệu hơn và thù thắng hơn.

Sự kiện này xảy ra, này Ananda, những du sĩ ngoại đạo có thể nói như sau: *"Sa-môn Gotama nói đến **Diệt thọ tưởng định**, và chủ trương định ấy thuộc về **lạc thọ**. Như vậy là gì, như vậy là thế nào?"*

Này Ananda, được nói vậy, các du sĩ ngoại đạo

cần phải được trả lời như sau: "Này chư Hiền, Thế Tôn không chủ trương rằng chỉ có những gì tùy thuộc lạc thọ là thuộc về lạc; vì rằng, chư Hiền, Thế Tôn chủ trương rằng **chỗ nào, chỗ nào có được lạc thọ, như vậy chỗ ấy, chỗ ấy thuộc về lạc**".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

5 Là 5 pháp tăng trưởng các Năm dục - TIỂU Kinh KHỔ UẨN – 14 Trung I, 209

TIỂU KINH KHỔ UẨN

(Culadukkhakkhandha suttam)

– Bài kinh số 14 – *Trung* I, 209

Như vầy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn sống giữa giòng họ Sakka (Thích-ca), trong thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) tại vườn Nigrodha (Ni-câu-luật Viên). Lúc ấy, có người Sakka tên Mahànàma đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến xong, đảnh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Mahànàma, dòng họ Sakka bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, đã lâu rồi, con đã hiểu như thế này lời dạy Thế Tôn: "Tham là cấu uế của tâm, sân là cấu uế của tâm, si là cấu uế của tâm". Bạch Thế Tôn, con đã hiểu như thế này lời dạy Thế Tôn: "Tham là cấu uế của tâm... si là cấu uế của tâm". *Tuy*

vậy, đôi lúc các tham pháp chiếm cứ tâm con và an trú, các sân pháp chiếm cứ tâm con và an trú, các si pháp chiếm cứ tâm con và an trú. Bạch Thế Tôn, con tự suy nghĩ: "Pháp nào tự trong ta không đoạn trừ được, do vậy các tham pháp xâm nhập tâm ta và an trú, các sân pháp xâm nhập tâm ta và an trú, các si pháp xâm nhập tâm ta và an trú?"

– Này Mahànàma, có một pháp trong Ông chưa được đoạn trừ, do vậy các tham pháp xâm nhập tâm Ông và an trú... các si pháp xâm nhập tâm Ông và an trú. Và này Mahànàma, pháp ấy trong Ông có thể đoạn trừ được, nếu Ông không sống trong gia đình, nếu Ông không thụ hưởng các dục vọng. Và này Mahànàma, vì pháp ấy trong Ông chưa được đoạn trừ, nên Ông sống trong gia đình và thụ hưởng các dục vọng.

Các dục vọng, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn. Này Mahànàma, nếu một vị Thánh đệ tử khéo thấy như vậy với như thật chánh trí tuệ, nhưng nếu vị này chưa chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sanh, hay một pháp nào khác cao thượng hơn, như vậy vị ấy chưa khỏi bị các dục chi phối.

Này Mahànàma, khi nào vị Thánh đệ tử khéo

thấy như vậy với như thật chánh trí tuệ: "Các dục, vui ít, khổ nhiều, não nhiều. Sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn", *và vị này chứng được* hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sanh hay một pháp nào cao thượng hơn, *như vậy vị ấy không bị các dục chi phối.*

- Này Mahànàma, thuở xưa, khi Ta còn là Bồ-tát, chưa chứng được Bồ-đề, chưa thành Chánh Đẳng Chánh Giác, Ta khéo thấy với như thật chánh trí tuệ: ***"Các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn"***, dầu Ta có thấy với như thật chánh trí tuệ như vậy, nhưng Ta chưa chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sanh hay một pháp nào khác cao thượng hơn. Và như vậy Ta biết rằng, Ta chưa khỏi bị các dục chi phối.

- Và này Mahànàma, khi nào Ta khéo thấy với như thật chánh trí tuệ: *"Các dục, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn"*, và Ta chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sanh hay một pháp nào khác cao thượng hơn, như vậy Ta khỏi bị các dục chi phối.

Và này Mahànàma, thế nào là vị ngọt các dục?

Này Mahànàma, *có năm pháp tăng trưởng các **dục** này*: Các sắc pháp do mắt nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ưng với dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức...; các hương do mũi nhận thức...; các vị do lưỡi nhận thức...; các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả lạc, khả hỷ, tương ưng với dục, hấp dẫn. Này Mahànàma, có năm pháp tăng trưởng các dục như vậy.

Này Mahànàma, y cứ vào năm pháp tăng trưởng các dục này, có lạc và hỷ khởi lên, như vậy là *vị ngọt các dục*.

Và này Mahànàma, thế nào là sự nguy hiểm các dục?... (như trang... cho đến trang..., với "Này Mahànàma" thế cho "Này các Tỷ-kheo."...) Này Mahànàma, như vậy là sự nguy hiểm các dục đưa đến đau khổ tương lai, là khổ uẩn, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nhân duyên, do chính dục làm nhân.

Này Mahànàma, một thời Ta ở tại Rajagaha (Vương Xá), trên núi Gijjhakuta (Linh Thứu). Lúc bấy giờ, rất nhiều Ni kiền Tử (Nigantha) tại sườn núi Isigili, trên Kalasila (Hắc Nham), đứng thẳng người, không chịu ngồi và cảm giác những cảm thọ thống thiết, khổ đau, khốc liệt, bén nhạy. Này Mahànàma,

rồi Ta vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến sườn núi Isigili, tại Kalasila chỗ các Nigantha ấy ở, khi đến nơi Ta nói với các Nigantha ấy:

"– Chư Hiền, tại sao các Người lại đứng thẳng người, không chịu ngồi xuống và cảm giác những cảm thọ thống thiết, khổ đau, khốc liệt, bén nhạy như vậy?

"– Này Mahànàma, được nói vậy các Nigantha ấy trả lời Ta như sau:

"– Này Hiền giả, Nigantha Nataputta-là bậc toàn tri, toàn kiến, tự xưng là có tri kiến toàn diện như sau: "Dầu ta có đi, có đứng, có ngủ và có thức, tri kiến luôn luôn được tồn tại liên tục ở nơi ta". Vị ấy nói như sau: *"Này các Nigantha, nếu xưa kia Người có làm ác nghiệp, hãy làm cho nghiệp ấy tiêu mòn bằng khổ hạnh khốc liệt này. Sự không làm ác nghiệp trong tương lai chính do sự hộ trì về thân, sự hộ trì về lời nói, sự hộ trì về ý ngay trong hiện tại, ở tại nơi đây. Như vậy chính nhờ sự thiêu đốt, sự chấm dứt các nghiệp quá khứ, sự không làm các nghiệp mới, mà không có sự tiếp tục trong tương lai. Do sự không tiếp tục trong tương lai, các nghiệp được diệt trừ; do nghiệp được diệt trừ, khổ được diệt trừ; do khổ được diệt trừ, cảm thọ được diệt trừ; do cảm thọ được diệt*

trừ, tất cả khổ đau sẽ được tiêu mòn". Và vì chúng tôi chấp nhận điều ấy, và chúng tôi kham nhẫn điều ấy, nên chúng tôi được hoan hỷ.

Này Mahànàma, khi được nói vậy Ta nói với các Nigantha ấy như sau:

"– Chư Hiền Nigantha, các Người có biết chăng, trong quá khứ, các Người có mặt hay các Người không có mặt?

"– Thưa Hiền giả, chúng tôi không biết.

"– Chư Hiền Nigantha, các Người có biết chăng, trong quá khứ, các Người không làm ác nghiệp hay có làm ác nghiệp?

"– Thưa Hiền giả, chúng tôi không biết.

"– Chư Hiền Nigantha, các Người có biết chăng, các Người không làm các nghiệp như thế này hay như thế kia?

"– Thưa Hiền giả, chúng tôi không biết.

"– Chư Hiền Nigantha, các Người có biết chăng: Mức độ đau khổ như thế này đã trừ diệt, mức độ đau khổ như thế này cần phải trừ diệt? Hay, khi

mức độ đau khổ như thế này đã được trừ diệt, thời tất cả đau khổ sẽ được trừ diệt?

"– Thưa Hiền giả, chúng tôi không biết.

"– Chư Hiền Nigantha, các Người có biết chăng, sự đoạn trừ ngay trong hiện tại các bất thiện pháp và sự thành tựu các thiện pháp?"

"– Thưa Hiền giả, chúng tôi không biết.

"– Chư Hiền, theo các Người nói, Nigantha các Người không biết: Trong quá khứ các Người có mặt hay các Người không có mặt; các Người không biết, trong quá khứ các Người không làm các ác nghiệp hay có làm các ác nghiệp; các Người không biết các Người không làm ác nghiệp như thế này hay như thế kia; các Người không biết, mức độ đau khổ như thế này đã được trừ diệt, mức độ đau khổ như thế này cần phải trừ diệt; mức độ đau khổ như thế này đã được trừ diệt thời tất cả đau khổ sẽ được trừ diệt; các Người không biết, sự đoạn trừ ngay trong hiện tại các bất thiện pháp và sự thành tựu các thiện pháp. Chư Hiền Nigantha, sự kiện là như vậy thì những kẻ săn bắn ở đời, với bàn tay đẫm máu, làm các nghiệp hung dữ, được tái sanh trong loài người, những hạng ấy có xuất gia trong hàng ngũ Nigantha các Người không?"

"– Hiền giả Gotama, hạnh phúc không có thể thành tựu nhờ hạnh phúc. Hạnh phúc phải thành tựu nhờ đau khổ. Hiền giả Gotama, nếu hạnh phúc có thể thành tựu nhờ hạnh phúc thì vua Magadha Seniya Bimbisara (Tần-bà-ta-la) có thể đạt được hạnh phúc, và vua Magadha Seniya Bimbisara sống hạnh phúc hơn Tôn giả Gotama".

- Lời nói này thật sự đã được các Tôn giả Nigantha nói lên một cách hấp tấp, không có suy tư: "Hiền giả Gotama, hạnh phúc không có thể thành tựu nhờ hạnh phúc. Hạnh phúc phải thành tựu nhờ đau khổ. Hiền giả Gotama, nếu hạnh phúc có thể thành tựu nhờ hạnh phúc, thời vua Magadha Seniya Bimbisara có thể đạt được hạnh phúc; và vua Magadha Seniya Bimbisara sống hạnh phúc hơn Tôn giả Gotama". *Và chính ta ở đây cần phải được hỏi như sau: "Giữa các bậc Tôn Giả, ai sống hạnh phúc hơn, vua Magadha Seniya Bimbisara hay Tôn giả Gotama?"*

- Hiền giả Gotama, lời nói này thật sự đã được chúng tôi nói lên một cách hấp tấp, không có suy tư: Hiền giả Gotama, hạnh phúc không có thể thành tựu nhờ hạnh phúc... (như trên)... sống hạnh phúc hơn Tôn giả Gotama. *Hãy để yên sự việc như vậy. Nay chúng tôi hỏi Tôn giả Gotama: "Giữa quý vị Tôn giả,*

ai sống hạnh phúc hơn, vua Magadha Seniya Bimbisara hay Tôn giả Gotama?"

"– Chư Hiền Nigantha, nay Ta sẽ hỏi các Người một câu, cũng vấn đề này. Nếu các Người vui lòng, hãy trả lời câu hỏi ấy. Chư Hiền Nigantha, các Người nghĩ thế nào? *Vua Magadha Seniya Bimbisara có thể không di động thân thể, không nói lên một tiếng, sống cảm giác thuần túy lạc thọ luôn bảy ngày bảy đêm có được không?*

"– Này Hiền giả, không thể được.

"– Chư Hiền Nigantha, các Người nghĩ thế nào? Vua Magadha Seniya Bimbisara có thể không di động thân thể, không nói lên một tiếng, sống cảm giác thuần túy lạc thọ luôn *sáu ngày sáu đêm, luôn năm ngày năm đêm, luôn bốn ngày bốn đêm, luôn ba ngày ba đêm, luôn hai ngày hai đêm, luôn một ngày một đêm không*?

"– Này Hiền giả, không thể được.

"– Chư Hiền Nigantha, Ta có thể không di động thân thể, không nói lên một lời, sống cảm giác thuần túy lạc thọ luôn trong một ngày một đêm. Chư Hiền Nigantha, Ta có thể không di động thân thể , không nói lên một lời, sống cảm giác thuần túy lạc thọ luôn

trong hai ngày hai đêm, luôn trong ba ngày ba đêm, luôn trong bốn ngày bốn đêm, luôn trong năm ngày năm đêm, luôn trong sáu ngày sáu đêm, luôn trong bảy ngày bảy đêm. Chư Hiền Nigantha, các Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, ai sống hạnh phúc hơn, vua Magadha Seniya Bimbisara hay Ta?

"– Sự kiện là như vậy, Tôn giả Gotama sống hạnh phúc hơn vua Magadha Seniya Bimbisara."

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Mahànàma thuộc giòng họ Sakka hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

6 Là triền phược - Kinh PANCALACANDA – Tăng IV, 213

PANCALACANDA – *Tăng* IV, 213

1. Như vầy tôi nghe:

Một thời Tôn giả Ànanda trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita. Rồi Tôn giả Udàyi đi đến Tôn giả Ànanda, sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ànanda những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Udàyi nói với Tôn giả Ànanda:

- Thưa Hiền giả, lời này được Thiên tử Pancàlacanda nói như sau:

"Bậc thiện trí tìm được,
Giải thoát trong triền phược,
Vị giác tỉnh với Thiền,
Bậc giác giả Mâu-ni,
Bậc từ bỏ, không chấp
Bậc anh hùng ẩn sĩ."

Thưa Hiền giả, thế nào là triền phược? Thế nào là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến?

2. - Này Hiền giả, **<u>năm dục trưởng dưỡng</u> này được Thế Tôn gọi là triền phược.**

Thế nào là năm?

Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn.

Này Hiền giả, năm dục trưởng dưỡng này là triền phược, được Thế Tôn nói đến.

3. *Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo ly các dục... chứng và trú* ***sơ Thiền****. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì?*

Cái ở đây là <u>tầm và tứ chưa diệt</u>. Chính cái ấy ở đây là triền phược.

4. Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây triền phược ấy là gì?

Cái ở đây là hỷ chưa diệt. Chính cái ấy ở đây là triền phược.

5. Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả... chứng đạt và an trú **Thiền thứ ba**. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây triền phược ấy là gì?

Cái ở đây là xả lạc chưa diệt. Chính cái ấy ở đây là triền phược.

6. Lại nữa, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo đoạn lạc... chứng và trú **Thiền thứ tư**. Cho đến như vậy, này Hiền giả là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì?

Cái ở đây là sắc tưởng chưa diệt. Chính cái ấy ở đây là triền phược.

7. Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các đối ngại tưởng, không tác ý đến sai biệt tưởng, biết rằng: "Hư không là vô biên, chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. Cho đến như vậy, này Hiền giả là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn.

Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì?

Cái ở đây là Không vô biên xứ chưa diệt. Chính cái ấy ở đây là triền phược.

8. Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo biết rằng: "Thức là vô biên", vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ. Cho đến như vậy, thưa Hiền giả là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì?

Cái ở đây là Thức vô biên xứ chưa diệt. Chính cái ấy ở đây là triền phược.

9. Lại nữa, thưa Hiền giả, Tỷ-kheo vượt Thức là vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ. Cho đến như vậy, thưa Hiền giả là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì?

Cái ở đây là Vô sở hữu xứ chưa diệt. Chính cái ấy ở đây là triền phược.

10. Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Cho đến như vậy, thưa Hiền giả là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì?

Cái ở đây là Phi tưởng phi phi tưởng xứ chưa diệt. Chính cái ấy ở đây là triền phược.

11. Lại nữa, thưa Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định. *Sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn diệt.*

Cho đến như vậy, này Hiền giả là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với *phi pháp môn*.

7 Định nghĩa - Kinh Năm dục TRƯỞNG DƯỠNG – Tăng IV, 226

DỤC TRƯỞNG DƯỠNG – *Tăng* IV, 226

1.- Này các Tỷ-khao, có năm dục trưởng dưỡng này.

2. Thế nào là năm?

– Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn.
– Các tiếng do tai nhận thức
– Các hương do mũi nhận thức...
– Các vị do lưỡi nhận thức...
– Các xúc do thân nhận thức, khả lạc... hấp dẫn.

Này các Tỷ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng này.

3. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm dục trưởng dưỡng này, **Bốn niệm xứ** này phải tu tập.

8 Là thế giới trong.. - Kinh CÁC BÀLAMÔN – Tăng IV, 182

CÁC BÀLAMÔN – *Tăng* IV, 182

1. Rồi hai vị Thuận thế Bà-la-môn đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Bà-la-môn ấy thưa với Thế Tôn:

2. - Thưa Tôn giả Gotama, Pùrana Kassapa, bậc toàn tri, toàn kiến, tự nhận mình là có tri kiến toàn bộ không dư, nói rằng: "Khi ta đi, ta đứng, ta ngủ, ta thức, tri kiến được an trú liên tục thường hằng". Vị ấy nói như sau: "Với trí vô biên, ta sống, biết và thấy thế giới hữu biên". Thưa Tôn giả Gotama, Nigantha Nàtaputta, bậc toàn tri, toàn kiến, tự nhận mình là có tri kiến toàn bộ không dư, nói rằng: "Khi ta đi, ta đứng, ta ngủ, ta thức, tri kiến được an trú liên tục thường hằng". Vị ấy nói như sau: "Với trí hữu biên, ta sống, biết và thấy thế giới hữu biên". Thưa Tôn giả Gotama, giữa hai bậc tuyên bố về trí này, giữa hai lời tuyên bố mâu thuẫn này, ai nói đúng sự thật, ai nói láo?

3. - Thôi vừa rồi, này các Bà-la-môn, hãy dừng lại ở đây: "Giữa hai bậc tuyên bố về trí này, giữa hai lời tuyên bố mâu thuẫn này, ai nói đúng sự thật, ai nói láo?"

Này các Bà-la-môn, Ta sẽ thuyết pháp cho các Ông, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

- Thưa vâng, Tôn giả.

Các Bà-la-môn ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

4. - Này các Bà-la-môn, ví như bốn người đàn ông đứng bốn phương, đầy đủ với bước đi, với tốc lực tối thắng, với bước chân dài tối thắng. Họ đầy đủ tốc lực như sau: Ví như một người cầm cung, điêu luyện khéo được huấn luyện với bàn tay thiện xảo, bách phát bách trúng, có thể bắn một cách nhẹ nhàng một mũi tên ngang qua bóng của cây tàla. Như vậy là tốc lực của họ. Còn bước chân dài của họ, thời như sau: từ biển phía Đông đến biển phía Tây. Rồi người đứng ở phương Đông nói như sau: "**Ta sẽ đi và đạt đến tận cùng của thế giới**". Dầu cho tuổi thọ của người này là một trăm năm - trừ khi người ấy ăn, người ấy uống, người ấy nhai, người ấy nếm, trừ khi người ấy đi đại tiện tiểu tiện, trừ khi người ấy ngủ để lấy lại sức, **người ấy sẽ chết trước khi người ấy đạt đến**

tận cùng của thế giới". Rồi người đứng ở phương Tây... rồi người đứng ở phương Bắc... rồi người đứng ở phương Nam nói như sau: "Ta sẽ đi và đạt đến tận cùng của thế giới". Dầu cho tuổi thọ... người ấy sẽ chết trước khi người ấy đạt đến tận cùng của thế giới". Vì cớ sao? Này các Bà-la-môn, Ta nói rằng, không phải với sức chạy như vậy, có thể biết được, có thể thấy được, có thể đạt được tận cùng thế giới. Này các Bà-la-môn, Ta nói rằng nếu không đạt được tận cùng thế giới, thời không thể chấm dứt đau khổ ở đời.

5. Này các Bà-la-môn, **năm dục trưởng dưởng này được gọi là thế giới trong Luật của bậc Thánh**.

Thế nào là năm?

6. Các sắc do con mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn.

Các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn.

Này Bà-la-môn, năm dục trưởng dưỡng này được gọi là thế giới trong Luật của bậc Thánh.

7. Ở đây, này các Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly các dục... chứng đạt và an trú **sơ Thiền**. **Này các Bà-la-môn, Tỷ-kheo này được gọi là vị đã đến tận cùng thế giới, và sống trong tận cùng thế giới. Nhưng các người khác nói về vị ấy như sau: "Vị này vẫn còn bị hạn chế trong thế giới, vị này chưa thoát ly khỏi thế gian"**. Này các Bà-la-môn, Ta cũng nói như sau: "Vị này vẫn còn bị hạn chế trong thế giới, vị này chưa thoát ly khỏi thế gian".

8. Lại nữa, này các Bà-la-môn, Tỷ-kheo diệt các tầm và tứ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư**. *Này các Bà-la-môn, đây gọi là Tỷ-kheo sau khi đến tận cùng thế giới, trú trong tận cùng thế giới. Nhưng các người khác nói về vị ấy như sau: "Vị này còn bị hạn chế trong thế giới, vị này chưa xuất ly khỏi thế gian". Này các Bà-la-môn, Ta cũng nói như sau: "Vị này còn bị hạn chế trong thế giới, vị này chưa xuất ly khỏi thế gian".*

9. Lại nữa, này các Bà-la-môn, Tỷ-kheo vượt qua khỏi các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các đối ngại tưởng, không tác ý đến các tưởng sai biệt, biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú **Không vô biên xứ**. Này các Bà-la-môn, đây gọi là Tỷ-kheo sau khi đến tận cùng thế giới, trú trong tận cùng thế giới. Nhưng các người khác, nói về vị ấy

như sau: "Vị này vẫn còn bị hạn chế trong thế giới, vị này chưa xuất ly khỏi thế gian". Này các Bà-la-môn, Ta cũng nói như sau: "Vị này vẫn còn bị hạn chế trong thế giới, vị này chưa xuất ly khỏi thế gian".

10. Lại nữa, này các Bà-la-môn, Tỷ-kheo vượt qua khỏi Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú **Thức vô biên xứ**...

Sau khi vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng đạt và an trú **Vô sở hữu xứ**...

Sau khi vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú **Phi tưởng phi phi tưởng xứ**. Này các Bà-la-môn, đây gọi là Tỷ-kheo sau khi đến tận cùng thế giới, trú trong tận cùng thế giới. Nhưng các người khác, nói về vị ấy như sau: "Vị này vẫn còn bị hạn chế trong thế giới, vị này chưa xuất ly khỏi thế gian". Này các Bà-la-môn, Ta cũng nói như sau: "Vị này vẫn còn bị hạn chế trong thế giới, vị này chưa xuất ly khỏi thế gian".

11. Lại các Bà-la-môn, Tỷ-kheo vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú **Diệt thọ tưởng định**, thời sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận.

Này các Bà-la-môn, đây gọi là Tỷ-kheo sau khi đến tận cùng thế giới, trú trong tận cùng thế giới. Vị này đã vượt khỏi sự triền phược của thế giới.